

**DAY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
TRONG TÌNH HÌNH MỚI: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP**

*Đỗ Thị Xuân Dung, Cái Ngọc Duy Anh
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*

TÓM TẮT

Qua phân tích thực trạng và một số thách thức mà công tác dạy - học tiếng Anh chuyên ngành đang phải đối mặt hiện nay, tác giả bài báo đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi nhằm đạt được những kết quả theo mục tiêu đã đề ra của cơ sở đào tạo. Thực tế cho thấy việc đào tạo chưa phù hợp và không thể đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay đã làm cho công tác đào tạo tiếng Anh chuyên ngành không đạt hiệu quả như mong muốn và lãng phí về mặt tài chính đầu tư cho công tác này. Những giải pháp quản lý hiệu quả và có tầm nhìn xa, đồng bộ và toàn diện sẽ phần nào giúp cải thiện tình hình dạy và học tiếng Anh chuyên ngành trong tình hình mới.

1. Mở đầu

Trong xu hướng chung về đào tạo tiếng Anh như một ngoại ngữ (Teaching English as a Foreign Language - TEFL), nhiều nghiên cứu đề cập việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes - ESP) như là một bộ phận không thể tách rời và có vai trò quan trọng. Nếu tiếng Anh chuyên ngữ dành cho đối tượng học và sử dụng chuyên sâu về mặt ngôn ngữ, tiếng Anh chuyên ngành lại có vị trí quan trọng đối với một đối tượng rộng lớn hơn và đa dạng hơn: sinh viên, học viên của tất cả các ngành khoa học khác hơn là ngôn ngữ. Chính vì thế, các cơ sở đào tạo tiếng Anh chuyên ngành đều mong muốn đạt được những mục tiêu đào tạo có quy mô lớn về số lượng và đạt chuẩn về chất lượng, nhằm đáp ứng nhu cầu của một đối tượng đào tạo lớn, và nhằm tạo ra những sản phẩm đào tạo có chất lượng thật sự. Nói cách khác, những cán bộ được đào tạo phải dùng được tiếng Anh chuyên ngành trong công việc của họ sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, thực tế đào tạo tiếng Anh chuyên ngành trong thời gian qua bộc lộ những khó khăn và hạn chế về nhiều mặt; dẫn đến việc nhiều cơ sở đào tạo không đạt được những mục tiêu mong muốn.

2. Nội dung

2.1. Tiếng Anh chuyên ngành - cơ hội và thách thức

Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes - ESP) là một môn học được đưa vào chương trình giảng dạy ngoại ngữ cho sinh viên các trường đại học ở

nhiều nước trên thế giới. Tiếng Anh chuyên ngành (TACN) là thuật ngữ dùng để chỉ tiếng Anh được dùng trong chuyên môn làm việc hoặc để phục vụ công việc ở từng chuyên ngành khác nhau [3]. Trong vài thập kỷ qua đã có nhiều nghiên cứu đề cập đặc điểm tính chất hoặc phương pháp giảng dạy môn tiếng Anh chuyên ngành. Những nghiên cứu gần đây cho thấy việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành đang mở ra nhiều cơ hội cũng như đối mặt với những thách thức từ nhiều phía. Cùng chia sẻ nhiều quan điểm chung với nhau, các trường đại học khác nhau trên thế giới có đào tạo TACN (Hungari, Iran, Mã Lai, Nga, Rumani, Thổ Nhĩ Kỳ, Ý,...) đều công nhận rằng: trong khi TACN tạo cơ hội cho người học hướng tiếp cận chuyên môn thông qua việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp công việc; hoặc để tìm kiếm thông tin phục vụ công việc... việc dạy và học TACN còn gặp phải một số trở ngại về phân bổ chương trình, lựa chọn giáo trình phù hợp, trình độ đầu vào và trình độ tiếp thu của học viên, cũng như chuyên môn và phương pháp của giáo viên... khiến công tác này không hoặc chưa đạt kết quả như mong đợi. Một nghiên cứu của I. Tar và cộng sự (2009) về sự thiếu hụt năng lực ngôn ngữ đã nhận định rằng sinh viên (SV) Hungari ngày nay quá thờ ơ, thụ động, thiếu đam mê khoa học và không mấy hứng thú với việc tìm tòi bổ sung kiến thức. Họ không lĩnh hội được nhiều từ những khóa học tiếng Anh ở trường đại học, dẫn đến năng lực ngôn ngữ không hình thành hoặc không được củng cố [3]. Savas (2009) cho rằng, khó khăn chủ yếu của tình trạng này ở Thổ Nhĩ Kỳ là việc giáo viên thiếu kiến thức chuyên môn cũng như sự đào tạo bài bản [6]. Ngoài ra, Amirian và Tavakoli (2009) cũng đã có nghiên cứu đánh giá lại các chương trình khóa học về TACN ở Iran thì cho rằng thiết kế của chương trình và cấu trúc nội dung của giáo trình đã không hoàn toàn phù hợp dẫn đến không thúc đẩy được động cơ học tập của sinh viên vì họ có nguy cơ cho rằng TACN là một môn học không hữu ích đối với công việc của họ [1]. Ngoài những khó khăn mang tính cơ học đó, Kaur and Clarke (2009) thì nhận định rằng tình trạng các công chức công sở ở Mã Lai làm việc tại các công ty chưa thể hiện tốt năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh trong công việc nên họ rất cần được đào tạo lại ở cả 4 kỹ năng [4]. Tương tự, Savas (2009) nhận định rằng SV Thổ Nhĩ Kỳ sau khi được đào tạo TACN có những đóng góp rất hạn chế cho sự phát triển kinh tế, xã hội và giáo dục của quốc gia cũng như địa phương nơi họ làm việc [6]. Sự năng động trong công tác chuyên môn có sử dụng tiếng Anh cũng là vấn đề được Marginson & Mc.Burnie (2004) nghiên cứu [5]. Ngoài ra, trong một bài báo mới đây, Bouzidi (2009) đã có nghiên cứu cụ thể về sự thiếu hụt yếu tố liên thông giữa việc học TACN và thực tế làm việc ở các cơ quan công sở cũng như cách vượt qua những trở lực đó bằng những hoạt động trong lớp học TACN [2]. Từ những nghiên cứu nói trên, có thể nhận thấy rằng ngoài những khó khăn mang tính cơ học như đã từng đề cập, công tác quản lý việc dạy - học TACN để đạt hiệu quả tối ưu gần đây được chất vấn nhiều nhất. Người ta đặt ra câu hỏi: “Tại sao những người được đào tạo tiếng Anh chuyên ngành sau khi ra trường không thể sử dụng tiếng Anh đã được học trong thực tế công việc?”, “thế nào là đào tạo theo nhu cầu xã hội?”, “chúng ta có đào tạo thừa hay thiếu cái gì hay không?” hoặc “tại sao một số cán bộ công

chức vẫn cần được đào tạo lại tiếng Anh để làm việc chuyên môn trong khi họ đã được đào tạo chính quy ở trường đại học?”. Trước khi đi tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó, hãy cùng nhìn lại thực trạng công tác đào tạo tiếng Anh chuyên ngành tại một số trường đại học trên cả nước

2.2. Thực trạng công tác dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại một số trường đại học trọng điểm trên cả nước

2.2.1. Quy định về chương trình và giáo trình

Theo chương trình khung chi tiết về giảng dạy tiếng Anh cơ bản theo học chế tín chỉ được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, môn tiếng Anh cơ bản được dạy trong 7 tín chỉ tức là 105 tiết trong 3 học phần: Tiếng Anh cơ bản 1, Tiếng Anh cơ bản 2, và Tiếng Anh cơ bản 3. Các trường tự chọn giáo trình giảng dạy. Tuy nhiên, các bộ giáo trình phổ biến được các trường đại học trên cả nước chọn hiện nay là *New Cutting Edge* của nhà xuất bản Longman hoặc *English KnowHow* của nhà xuất bản Oxford. Sau khi hoàn tất phần tiếng Anh cơ bản, sinh viên sẽ tiếp tục học phần TACN. Chương trình và những yếu tố liên quan được các ngành học của từng trường khác nhau quy định theo chương trình đào tạo của các ngành đó.

Ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên bao gồm 12 đơn vị học trình tương đương 180 tiết. Giáo trình do các giảng viên (GV) khoa Ngữ văn Anh biên soạn cho 8 chuyên ngành khác nhau và được hội đồng khoa học Khoa phê duyệt [15]. Ở một số trường đại học khác ở thành phố Hồ Chí Minh, tỉ lệ phân bổ số đơn vị học trình tiếng Anh chuyên ngành trên số đơn vị học trình tiếng Anh cơ bản thông thường là 6/10, 8 - 9/10 hoặc 10/16 (Đại học Ngân hàng, Đại học Kinh tế, Đại học Mở bán công, Đại học bán công Tôn Đức Thắng). Riêng Đại học Cần Thơ và khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia Tp HCM thì tỉ lệ đồng đều 12/12. [9]

Ở một số trường đại học ở Hà Nội như Đại học Kiến trúc, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Sư phạm Hà Nội, phân bổ chương trình bao gồm 150-180 tiết tiếng Anh cơ bản và 30 - 50 tiết tiếng Anh chuyên ngành. Riêng Đại học Quốc gia Hà Nội số tiết quy định cho cả 2 loại hình trên lên đến 420 tiết. Giáo trình của một số trường nói trên chủ yếu do Bộ liên quan biên soạn hoặc do hội đồng giáo viên của trường chọn lọc, tập hợp và hiệu chỉnh [8, 14, 17].

2.2.2. Dạy và học TACN - Bức tranh chung trên toàn quốc

Điềm qua tình hình dạy và học tiếng Anh chuyên ngành ở nhiều trường đại học trên toàn quốc, có thể thấy bức tranh chung về thực trạng và thách thức như sau:

Chương trình

- Hiện không có một chương trình nào thống nhất trên toàn quốc về đào tạo TACN. Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về số tiết giảng dạy cũng như số đơn vị

học trình cần thiết phải tích lũy cũng không nhất quán đối với mỗi đại học vùng hay tại mỗi thời điểm cụ thể. Tiếng Anh cơ bản hay Ngoại ngữ không chuyên có thể có những quy định rõ ràng hơn. Riêng TACN chưa được phân bố chương trình cụ thể và nhất quán cho tất cả các trường đại học trên cả nước nên rất khó có tiếng nói chung trong đào tạo [8, 10, 12].

Đội ngũ giảng viên và phương pháp giảng dạy

- Đa số giáo viên trẻ được phân công giảng dạy TACN không có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn và thuật ngữ chuyên ngành đó do không được đào tạo chuyên sâu mà chủ yếu là tự học. Một số khác có kiến thức TACN vững nhưng phương pháp giảng dạy không phù hợp.

- Phương pháp giảng dạy mà đa số giáo viên áp dụng vẫn còn bị ảnh hưởng bởi giáo trình cũ và không mang tính giao tiếp. Các phương pháp giảng dạy nhằm kích hoạt ở sinh viên tính khám phá, sáng tạo, giao tiếp thật sự... hình như chỉ mới được thử nghiệm chứ chưa được áp dụng rộng rãi [11].

- Đội ngũ giảng viên không ổn định. Khi các giáo viên trẻ được rèn luyện tốt về chuyên môn họ có xu hướng chuyển sang dạy khối chuyên ngữ [15].

Ý thức học tập và trình độ tiếp thu của sinh viên

Trong khi thời lượng học đã ít, môi trường luyện tập bằng tiếng bản ngữ không có, ý thức của sinh viên lại không cao khiến cho việc tiếp thu của sinh viên còn nhiều hạn chế. [8, 11, 15]

Có sự cách biệt về trình độ tiếng Anh của sinh viên trong giai đoạn đầu và giai đoạn TACN cũng như tồn tại sự chênh lệch về trình độ của nhiều sinh viên trong cùng một lớp với nhau đã gây ra không ít khó khăn cho người dạy [13, 15].

Sinh viên các khối tự nhiên và kỹ thuật thường có thái độ học tập tích cực và khả năng tiếp thu cao hơn sinh viên khối xã hội do nhu cầu tiếp cận kiến thức mới nhất trên thế giới của ngành xã hội không cấp thiết như trong lĩnh vực kỹ thuật [15].

Sinh viên không đam mê học TACN, có thái độ ứng phó là chủ yếu. Nhiều sinh viên không có động cơ học tập rõ ràng, chỉ mong đạt điểm 5 để khỏi học lại [16].

Giáo trình

Một số giáo trình mà các trường đang sử dụng đã lỗi thời, không cập nhật, hoặc giáo trình không thống nhất giữa các cơ sở với nhau [15].

Cấu trúc của các giáo trình hầu như giống nhau với đa phần tập trung vào bài khóa, từ vựng chuyên ngành, đọc hiểu và dịch thuật. Cấu trúc này ngăn sự sáng tạo của giáo viên và hoạt động học tích cực của sinh viên. Nhiều lớp học tỏ ra nhàm chán không hứng thú với giáo trình như thế [11].

Kiểm tra đánh giá

- Các đề kiểm tra học phần, học kỳ, đề thi đầu vào, đầu ra còn mang tính cục bộ, địa phương, thiếu công cụ đánh giá chuẩn thống nhất như các đề thi chuẩn quốc tế TOEFL, TOEIC... Các phương thức đánh giá chưa có độ tin cậy cao vì do chính bản thân giáo viên giảng dạy ra đề, chấm điểm. Các hình thức đánh giá liên tục chưa được tiến hành [15].

Đơn vị đào tạo không thống nhất mục tiêu, không tìm hiểu nhu cầu thực tế công việc của người lao động có sử dụng TACN.

- Nghiên cứu cụ thể về vấn đề này đến nay chưa có. Những nghiên cứu khác về TACN chỉ tập trung xoay quanh vấn đề dạy và học, ít có nghiên cứu sâu về mối tương quan giữa nhu cầu thực tế và kết quả đào tạo. Tuy nhiên, qua phản ánh của một số đơn vị tuyển dụng lao động ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội hay Thừa Thiên Huế, người lao động được tuyển dụng chỉ mới có khả năng tiếng Anh cơ bản để giao tiếp trong công việc theo yêu cầu, ngoài ra những kiến thức khác về chuyên ngành hoặc kiến thức giao tiếp liên quan vẫn còn rất yếu, không đáp ứng được nhu cầu làm việc, phải cần đào tạo thêm hoặc rèn luyện thêm, đầu trong bảng điểm tốt nghiệp của họ môn TACN đạt điểm khá cao .

2.3. Tình hình dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại Đại học Huế

Cũng nằm trong tình hình chung đó, việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại các trường đại học thuộc Đại học Huế cũng không tránh khỏi gặp phải một số khó khăn nhất định như các trường đại học khác. Qua thực tế trực tiếp giảng dạy và quản lý công tác giảng dạy tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành tại Đại học Huế, kết hợp với việc tìm hiểu từ các giáo viên đứng lớp tại Khoa Tiếng Anh chuyên ngành – Trường Đại học Ngoại ngữ Huế và giáo viên của các trường đại học khác, chúng tôi nhận thức được các vấn đề cần quan tâm sau đây:

2.3.1. Trình độ chênh lệch

Mặc dù đa số các trường đều có kỳ thi kiểm tra trình độ đầu vào để xếp lớp, trong từng lớp và từng trường, sự chênh lệch thể hiện như sau:

- Sự chênh lệch về trình độ tiếng Anh giữa các ngành trong cùng một trường và giữa các trường. Ví dụ: Ở trường Đại học Khoa học Huế, sinh viên các ngành tự nhiên như Tin học, Toán,... có khả năng tiếng Anh tốt hơn sinh viên một số ngành xã hội như Triết học, Xã hội học,...; Theo nhận xét của các giáo viên khoa tiếng Anh chuyên ngành trường Đại học Ngoại ngữ, khả năng tiếng Anh của sinh viên các trường Đại học Ngoại ngữ, trường Đại học Kinh tế, trường Đại học Y - Dược tốt hơn các trường và khoa trực thuộc khác. Sự chênh lệch này thể hiện ở kết quả của kỳ thi kiểm tra đầu vào và có thể do đặc trưng ngành nghề mà sinh viên đang theo học.

- Sự chênh lệch về trình độ tiếng Anh của sinh viên có địa bàn cư trú khác nhau. Điều này có thể do thực tế ở nước ta hiện nay, việc tổ chức giảng dạy tiếng Anh ở cấp phổ thông trung học tại một số địa phương còn nhiều hạn chế do thiếu giáo viên hoặc do lực lượng giáo viên không đạt chuẩn.

2.3.2. Sinh viên

Đa số sinh viên quen với phương pháp dạy học truyền thống ở cấp trung học phổ thông, chưa thích ứng kịp với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Do vậy, họ khá thụ động, rụt rè và chưa tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp. Bên cạnh đó, một bộ phận sinh viên lên lớp môn tiếng Anh với thái độ đối phó, với tâm lý quan niệm môn tiếng Anh chỉ là môn phụ, điều này đã làm ảnh hưởng đến môi trường học tập của cả lớp.

2.3.3. Giáo viên

Các thách thức từ phía giáo viên thể hiện ở các khía cạnh như: trình độ của các giáo viên đứng lớp chưa đồng đều, phương pháp giảng dạy không đồng nhất, đặc biệt ở các lớp tiếng Anh chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành của giáo viên còn nhiều hạn chế. Đa số các giáo viên chuyên ngành ít có cơ hội được tham gia các khoá bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài nước để nâng các chuyên môn cũng như kiến thức về chuyên ngành mà mình giảng dạy. Tại một số trường thành viên của Đại học Huế như: trường Đại học Khoa học, trường Đại học Nông Lâm và trường Đại học Sư phạm còn có hiện tượng giáo viên đứng lớp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành là các giáo viên chuyên ngành - những người có nhiều kiến thức chuyên môn thể hiện bằng tiếng Anh nhưng chưa từng được tập huấn về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

2.3.4. Điều kiện học tập còn hạn chế

Phương tiện kỹ thuật giảng dạy chủ yếu tại các lớp tiếng Anh hiện nay là máy cát-sét có đĩa CD, do vậy giáo viên không có điều kiện áp dụng bài giảng điện tử, Powerpoint hay một số phần mềm khác phục vụ cho công tác giảng dạy của mình. Bên cạnh đó, sĩ số lớp học quá đông cũng là một trong những thách thức không nhỏ đối với việc dạy và học tiếng Anh. Ví dụ, theo quy định của Đại học Huế, sĩ số tối đa một lớp học tiếng Anh là không quá 50, nhưng một vài lớp ở trường Đại học Nông Lâm và trường Đại học Khoa học có số lượng sinh viên trong lớp tín chỉ lên đến 80.

2.3.5. Mục tiêu đào tạo chưa thống nhất

- Đối với việc giảng dạy tiếng Anh cơ bản đa số các trường đại học trên cả nước hiện nay xác định chuẩn đầu ra không thống nhất, điều này thậm chí xảy ra giữa các trường có chuyên ngành đào tạo giống nhau. Cho đến đầu năm học 2009 - 2010, hầu hết các trường và khoa trực thuộc Đại học Huế vẫn chưa xác định được chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên mình.

Dưới đây là bảng tóm tắt chuẩn đầu ra (theo chuẩn điểm TOEIC) ở một số trường đại học ở ba miền:

Stt	Trường	Điểm chuẩn đầu ra (Điểm TOEIC)
1	Đại học Bách khoa Hà Nội	450
2	Đại học Ngoại thương Hà Nội	670-770
3	Đại học Bách Khoa TP Hồ Chí Minh	425-550
4	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	450-550
5	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	450
6	Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh	600
7	Đại học Tôn Đức Thắng	500
8	Đại học Bán Công Marketing TP Hồ Chí Minh	450
9	Đại học Cần Thơ	400
10	Đại học Lạc Hồng	450
11	Đại học Yersin Đà Lạt	350-450
12	Đại học Duy Tân	400
13	Đại học Đà Nẵng	400

(Nguồn IIG Việt Nam)

2.3.6. Đối với việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành:

Hiện nay, phần lớn các tài liệu giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành được thiết kế nhằm phát triển bốn kỹ năng cơ bản là nghe, nói, đọc, viết và khả năng dịch tài liệu. Tuy nhiên, có nhiều ý kiến (đa số từ các giáo viên chuyên ngành trực tiếp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành) quan niệm chỉ cần bổ sung cho sinh viên càng nhiều từ vựng chuyên ngành càng tốt để hỗ trợ kiến thức chuyên môn. Nhiều giáo trình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành do giáo viên tự biên soạn, mất cân đối về phát triển bốn kỹ năng, chỉ tập trung vào kỹ năng đọc và bài tập từ vựng chuyên ngành. Do vậy, sinh viên không có được hứng thú trong học tập. Ngoài ra, có một số trường đã bỏ các học phần tiếng Anh chuyên ngành.

Nhìn chung, mục tiêu đào tạo tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành hiện nay chưa thực sự dựa trên việc tìm hiểu và phân tích nhu cầu của sinh viên.

2.3.7. Độ tin cậy chưa cao của phương thức đánh giá

Đối với công tác giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại các trường đại học hiện nay, phương thức đánh giá kết quả học tập chưa có độ tin cậy cao khi đề thi do chính các giáo viên đứng lớp biên soạn. Phần lớn các trường chưa có ngân hàng đề thi tiếng Anh chuyên ngành.

2.3.8. Đầu ra

Tại các hội thảo với nhà tuyển dụng hoặc chủ các doanh nghiệp, thủ trưởng nhiều cơ quan ban ngành, phản nản chất lượng sử dụng tiếng Anh của các nhân viên hoặc người làm việc quá thấp. Điều đó dẫn đến việc thảo luận: liệu việc đào tạo tiếng Anh chuyên ngành đã thực sự đáp ứng nhu cầu xã hội hay chưa? Thiếu hay đủ? Đúng hay chưa đúng ngành? Hay liệu việc đào tạo mà không có thông tin về nhu cầu thực sự của xã hội sẽ làm cho đơn vị đào tạo lúng túng và người học lại càng hoang mang hơn vì không xác định được động cơ và mục tiêu?

2.4. Một số giải pháp chủ yếu

Trên cơ sở thực trạng và thách thức nêu trên, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chủ yếu để cải thiện tình hình giảng dạy và học tập tiếng Anh chuyên ngành tại Đại học Huế và từng bước nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp trong việc đào tạo một học phần quan trọng cho hơn mấy nghìn sinh viên của một đại học vùng.

- Cơ sở đào tạo từng bước xác định nhu cầu xã hội để đề ra mục tiêu đào tạo phù hợp. Nhu cầu xác thực của người học là sau khi tốt nghiệp, họ sẽ sử dụng TACN được đào tạo để làm gì, đạt được mục tiêu nào trong quá trình thăng tiến nghề nghiệp. Khi quá trình đào tạo đúng hướng, đúng nhu cầu sẽ là kích thích rất lớn đối với động cơ học tập và giúp cho việc đào tạo đúng trọng tâm, đúng mục tiêu hơn rất nhiều.

- Các cấp quản lý cần thống nhất một lộ trình chung về chương trình, số tiết, giáo trình quy định cho từng chuyên ngành cụ thể trên toàn quốc. Có thể từng trường sẽ đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo những ý tưởng tốt và Bộ sẽ thống nhất chọn chung, vì có như vậy mới đảm bảo được tính liên thông trên toàn quốc, nhằm phục vụ sinh viên khi có nguyện vọng học liên thông hoặc chuyển đổi.

- Cần làm rõ cho người học thấy mục tiêu cụ thể và yêu cầu đặt ra của bộ môn quan trọng và thiết thực này để từng bước nâng cao hứng thú, động cơ tích cực đối với việc học. Ngoài ra, hướng dẫn, tư vấn phương pháp học tập cho sinh viên cũng không kém phần quan trọng. Nhiều sinh viên rất chăm nhưng không biết cách học đã dẫn đến kết quả không cao.

- Đào tạo và thường xuyên bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh chuyên ngành thông qua các khóa tập huấn phương pháp, nâng cao năng lực. Tuy nhiên, với đặc thù của tiếng Anh chuyên ngành, đa số phần khó nằm ở khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành, thì ý thức tự học, tự trau dồi của người giáo viên thậm chí còn quan trọng hơn. Giáo

viên nên tranh thủ thời gian tìm hiểu các khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành mà mình đang giảng dạy. Có thể tra cứu trên internet hoặc trao đổi với đồng nghiệp về những phương pháp dạy TACN tích cực, thú vị cho dù phải đối diện với nhiều khái niệm khó hiểu, khô cứng. Nhiều giáo viên có bài giảng hay nên được nhân mẫu cho đồng nghiệp khác học hỏi và cứ như vậy, kinh nghiệm sẽ được tích lũy ngày một nhiều.

- Phát triển tài liệu dạy học là một trong những kỹ năng quan trọng của người giáo viên. Với sự trợ giúp của những tổ chức nước ngoài, tài liệu mẫu về TACN hay sự hỗ trợ của hội đồng chuyên môn chung của Bộ, các đơn vị đào tạo cần phối hợp để thống nhất biên soạn bộ giáo trình chuẩn, cập nhật và phù hợp với nhu cầu đào tạo mới. TACN cho chuyên ngành nào thì sẽ được thẩm định và dùng thống nhất trên toàn quốc cho chuyên ngành đó. Có như vậy, sự liên thông và chuyển đổi tín chỉ giữa các đơn vị đào tạo sẽ dễ dàng thuận lợi hơn. Trên cơ sở đó, hội nghị hàng năm để cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo trình giảng dạy sẽ có cơ sở để thảo luận hơn.

- Xây dựng ngân hàng đề thi trên cơ sở quy chuẩn như TOEIC hoặc các chuẩn quốc tế khác. Sinh viên khi học phải được rèn luyện theo chuẩn này để họ chuẩn bị cho việc thi kết thúc khóa học. Dựa trên điều kiện có sẵn của cơ sở đào tạo, cần khuyến khích áp dụng các hình thức thi tương tự như kỳ thi quốc tế để kích thích động cơ học tập và định hướng hoạt động dạy theo năng lực giao tiếp cho sinh viên. Hội đồng ra đề phải được trả thù lao xứng đáng với công sức mà họ đầu tư, nhằm động viên cán bộ giảng viên tham gia ra đề theo chuẩn. Giáo viên ra đề phải qua đào tạo, tập huấn và phải là những người có kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành.

- Ngoài các kỹ năng chung như: nghe, nói, đọc và viết, ngữ pháp... sinh viên cần được rèn luyện thêm các kỹ năng mềm khác bổ trợ như: kỹ năng diễn giải, tóm tắt, suy luận, nêu vấn đề, diễn đạt, so sánh, đối chiếu, thuyết trình, làm việc nhóm, viết báo cáo... Chính các kỹ năng tự học và tích cực hóa hoạt động học đã giúp sinh viên tiếp thu giáo viên cần phải nâng cao khả năng chuyên môn bằng cách tìm tòi học hỏi hoặc tự nghiên cứu, đào tạo...

- Cơ sở đào tạo tại mỗi trường đại học nên tạo điều kiện có phòng học đa năng cho sinh viên trong giờ học ngoại ngữ. Máy chiếu là phương tiện tối thiểu nhất của dạy học hiện đại, dạy học tích cực vì trong môi trường đó, cả thầy và trò đều phát huy tính tích cực trong lĩnh vực của mình. Trang bị internet trong phòng học lại càng lý tưởng hơn khi thầy và trò có thể tra cứu trực tuyến những vấn đề thuật ngữ hoặc khái niệm liên quan... Lớp học TACN lý tưởng không được quá 30 sinh viên. Hiện nay, điều này cũng không quá khó thực hiện bởi sinh viên chọn tín chỉ để tích lũy và nếu được học tốt có chất lượng họ sẵn sàng trả học phí cao hơn cho các tín chỉ “hấp dẫn”.

3. Kết luận

Chúng ta không cầu toàn rằng trong một sớm một chiều cần phải khắc phục tình trạng dạy - học TACN chưa phù hợp hiện nay, nhưng nếu những người liên quan gồm

người học, người dạy, nhà quản lý và đối tượng đánh giá - xã hội... cùng quan tâm giải quyết một phần khó khăn đến từ phần của mình thì việc cải tổ đồng bộ không phải là ngoài tầm tay. Nghiên cứu tiếp theo của nhóm nghiên cứu sẽ đề cập việc kết quả của tìm hiểu nhu cầu xã hội sẽ có tác động thế nào đối với điều chỉnh chính sách dạy - học tiếng Anh chuyên ngành tại Đại học Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amirian Z. và M. Tavakoli. *Reassessing the ESP Courses Offered to Engineering Students in Iran*. English for Specific Purposes. Issue 23, Volume 8, (2009).
2. Bouzidi, H.. *Between the ESP Classroom and the Workplace: Bridging the Gap*. English Teaching Forum. Number 3, (2009).
3. Hutchinson, T. and A. Water. *English for Specific Purposes: A Learning-centred Approach*. Cambridge: CUP, (1987).
4. Kaur S. and C. Clarke. *Analysing the English Language Development of Human Resource Staff in Multinational Companies*. English for Specific Purposes. Issue 3 (24), Volume 8, (2009).
5. Marginson, S. & G. McBurnie. *Cross-border post-secondary education in the Asia-Pacific region, for OECD, Internationalisation and Trade in Higher Education*, OECD, Paris, 137-204, (2004).
6. Savas, B.. *Role of Functional Academic Literacy in ESP teaching: ESP Teacher Training in Turkey for Sustainable Development*. The Journal of International Social Research. Volume 2/9, (2009).
7. Tar I. , K. Varga và T. Wiwezaroski. *Imrpoving ESP Teaching through Collaboration: The Situation in Hungary*. ESP World, Issue 1 (22), volume 8, (2009).
8. Đào Thị Tạo. *Thách thức và triển vọng của giảng dạy ngoại ngữ tại các trường Đại học không chuyên ngữ ở Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo khoa học. *Dạy ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ và hợp tác quốc tế trong các trường ĐH, CĐ ở VN*. Trường ĐHSP Tp HCM, (2005).
9. Hạ Thị Thiều Dao. *Nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học nhìn từ góc độ giáo viên chủ nhiệm*. *Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở VN: vấn đề và giải pháp*. Nhà xuất bản đại học quốc gia Tp HCM, (2007).
10. Lê Thị Hồng. *Việc dạy và học ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ ở trường đại học Hải phòng*. Kỷ yếu hội thảo khoa học. *Dạy ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ và hợp tác quốc tế trong các trường ĐH, CĐ ở VN*. Trường ĐHSP Tp HCM, (2005).

11. Nguyễn Hoàng Tuấn. *Một vài suy nghĩ về việc dạy tiếng Anh chuyên ngành ở bậc đại học*. Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở VN: vấn đề và giải pháp. Nhà xuất bản đại học quốc gia Tp HCM, (2007).
12. Nguyễn Lộc. *Giáo dục đại học và chiến lược dạy - học ngoại ngữ ở Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo khoa học. *Dạy Ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ và hợp tác quốc tế trong các trường ĐH, CĐ ở VN*. Trường ĐHSP Tp HCM, (2005).
13. Nguyễn Phương Nga, Trần Thị Phi, Trương Thị Anh Đào. *Sử dụng Báo tiếng Anh trên lớp góp phần tăng động cơ và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên trường Đại học Kinh tế*. Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở VN: vấn đề và giải pháp. Nhà xuất bản đại học quốc gia Tp HCM, (2007).
14. Nguyễn Thị Ánh Tuyết. *Giảng dạy tiếng Anh tại trường ĐH Kiến trúc Hà Nội*. Kỷ yếu hội thảo khoa học. *Dạy Ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ và hợp tác quốc tế trong các trường ĐH, CĐ ở VN*. Trường ĐHSP Tp HCM, (2005).
15. Nguyễn Thị Kiều Thu. *Tình hình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại trường ĐH KHXX & NV Tp HCM và một vài kiến nghị*. Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở VN: vấn đề và giải pháp. Nhà xuất bản đại học quốc gia Tp HCM, (2007).
16. Tô Thị Thanh Tịnh. *Tiếng Anh chuyên ngành với sinh viên không chuyên cao đẳng - thực trạng và giải pháp*. Kỷ yếu hội thảo khoa học. *Dạy Ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ và hợp tác quốc tế trong các trường ĐH, CĐ ở VN*. Trường ĐHSP Tp HCM, (2005).
17. Trần Thị Nga. *Hướng tới nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh không chuyên*. Kỷ yếu hội thảo khoa học. *Dạy Ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ và hợp tác quốc tế trong các trường ĐH, CĐ ở VN*. Trường ĐHSP Tp HCM, (2005).

TEACHING ESP IN THE NEW CONTEXT: CHALLENGES AND SOLUTIONS

*Do Thi Xuan Dung, Cai Ngoc Duy Anh
College of Foreign Languages, Hue University*

SUMMARY

From the analysis of the ESP teaching reality and challenges some universities in Vietnam are facing, the article discusses and proposes a number of feasible suggestions to increase the capacity of ESP training so that it meets the society demands and avoids waste for the training insitutions in the new context.